

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ
xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng, huyện Bá Thước (Chương trình 30a)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4883/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng, huyện Bá Thước (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2792/TTr-SGTVT ngày 13/7/2020 về việc phê duyệt dự án Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng, huyện Bá Thước (Chương trình 30a); báo cáo kết quả thẩm định số 2791/SGTVT-TĐKHKT ngày 13/7/2020 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng, huyện Bá Thước (Chương trình 30a), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Điền Thượng, huyện Bá Thước (Chương trình 30a).

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trong vùng, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo trong khu vực.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng.

Đầu tư xây dựng 13,1km đường giao thông, trong đó:

- Phần đường đạt quy mô đường GTNT cấp A (theo TCVN 10380:2014), có: $V_{tk}=20\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=6,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; chiều rộng lề đất $B_l=2\times 1,25\text{m}$; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=30\text{m}$ (châm trước $R_{min}=25\text{m}$); độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=11\%$; mặt đường đá dăm láng nhựa có $E_{yc}\geq 91\text{Mpa}$. Công trình thoát nước bằng BTXM và BTCT; tải trọng thiết kế H13-X60; tần suất tính toán thủy văn $P=4\%$.

- Phần cầu: Xây dựng 04 cầu bằng BTCT và BTCT DƯL theo TCVN 11823-2017; chiều rộng cầu $B_c=(0,5+6+0,5)\text{m}=7\text{m}$; tải trọng thiết kế HL93 và người đi bộ $3\times 103\text{Mpa}$; tần suất thiết kế $P=4\%$, suối có cây trôi, không thông thuyền.

5. Phương án xây dựng

5.1. Bình đồ tuyến:

Tuyến cơ bản đi theo đường hiện tại, điều chỉnh một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn của cấp đường và cải thiện tầm nhìn.

Điểm đầu Km0+00 tại Km0+751,50 của tuyến đường NTM xã Thiết Ống thuộc địa phận xã Thiết Ống; điểm cuối Km13+100, nối với đường BTXM tại trung tâm xã Diên Thượng, toàn tuyến có 141 đường cong, $R_{min}=30\text{m}$, châm trước 01 đường cong $R_{min}=25\text{m}$.

5.2. Cắt dọc:

Đường đò được thiết kế trên cơ sở đường hiện trạng và tần suất tính toán thủy văn $P=4\%$, các điểm khống chế tại đầu tuyến và cuối tuyến đường, có đào đắp cục bộ một số vị trí để cải thiện độ dốc dọc. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=10,8\%$.

5.3. Nền đường:

- Nền đường đào: mái ta luy đào đá từ 1/0,5-1/0,3; mái ta luy đào đất 1/0,75-1/1; lớp đất sát đáy áo đường được xáo xới đầm lên đảm bảo độ chặt $K\geq 98$ dày 30cm.

- Nền đắp: Đắp bằng đất đồi đảm bảo độ chặt $K\geq 95$, lớp sát đáy áo đường dày 30cm được đầm lên đảm bảo độ chặt $K\geq 98$; mái ta luy nền đắp 1/1,5; gia cố mái ta luy bằng trồng cỏ; một số đoạn khe, men theo suối, mái ta luy được gia cố bằng BTXM M200, chân khay BTXM M150.

5.4. Mặt cắt ngang:

Nền đường $B_n=6,0\text{m}$; mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; lề đất $B_l=2\times 1,25\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường 3%, lề đường đất 4%; những đoạn bố trí rãnh dọc gia cố mặt đường được mở rộng đến mép rãnh.

5.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường láng nhựa có $E_{yc}\geq 91\text{Mpa}$, cấu tạo từ trên xuống như sau:

- Lớp mặt: láng nhựa 02 lớp tiêu chuẩn nhựa 3,0kg/m².

- Lớp móng: lớp móng trên bằng đá dăm nước dày 12cm; lớp móng dưới bằng đá dăm tiêu chuẩn 4x6 dày 15cm.

5.6. Công trình thoát nước:

a) Thoát nước mặt đường: bằng chảy tỏa và rãnh dọc.

Rãnh đào đá tiết diện hình tam giác; rãnh đất tiết diện hình thang, đối với

những đoạn rãnh đất dễ xói lở lòng rãnh được gia cố bằng BTXM; những vị trí đường ngang bố trí rãnh chịu lực, tiết diện chữ nhật, cấu tạo bằng BTXM và BTCT.

b) Công thoát nước ngang: được xây dựng mới và tận dụng công hiện có còn tốt trên tuyến. Tổng số 60 công thoát nước, trong đó:

- 08 công còn tốt được nối dài cho đủ bề rộng nền đường, $KĐ=0,75÷1,5m$.

- 52 công thiết kế mới là công bản $KĐ=1÷5,4m$; cấu tạo bằng BTXM và BTCT, móng đặt trên nền thiên nhiên.

5.7. Cầu trên tuyến: Tổng số có 4 cầu, bề rộng cầu $B=(0,5+6+0,5)=7,0m$.

a) Kết cấu chung cho 4 cầu:

- 1 nhịp giản đơn dạng bản rộng bằng bê tông cốt thép dự ứng lực 40Mpa kéo trước, mỗi cầu có 07 phiên dầm.

- Mặt cầu bằng BTCT 30Mpa; gối cầu bằng cao su bản thép; khe co giãn dạng ray, chèn khe bằng vữa không co ngót; gờ chắn bằng BTCT 25Mpa, lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm.

- Mô kiểu tường bằng BTCT 30Mpa, bệ mô đặt trên 3 cọc khoan nhồi D0,8m bằng BTCT 30Mpa; lòng mô đắp bằng đất đồi nhiều sỏi sạn; bản quá độ bằng BTCT 25Mpa; gia cố tứ nón mô bằng BTXM M200, chân khay BTXM M150.

- Đường sau mô: 10m đường sau đuôi mô có $B_n=7m$, $B_m=6m$, lề đất $2 \times 0,5m=1m$; vuốt nối về $B_n=6m$, $B_m=3,5m$ trên đoạn dài 10m; kết cấu mặt đường như kết cấu chung của tuyến đường.

b) Riêng từng cầu:

- 2 cầu chiều dài dầm $L=9m$ tại Km1+476,84 và Km6+635,96: chiều dài toàn cầu 15,1m (đến đuôi mô), chiều dài cọc dự kiến $L=11m$.

- 1 cầu chiều dài nhịp $L=18m$ tại Km7+846,76: chiều dài toàn cầu 21,1m (đến đuôi mô), chiều dài cọc dự kiến $L=13m$.

- 1 cầu chiều dài nhịp $L=21m$ tại Km8+434,56: chiều dài toàn cầu 27,1m (đến đuôi mô), chiều dài cọc dự kiến $L=13m$.

5.8. Nút giao, đường ngang:

- Nút giao: có 01 vị trí nút giao; nút giao đầu tuyến với tuyến đường NTM xã Thiết Ống tại Km0+751,50, nút giao dạng ngã ba được thiết kế mở rộng các nhánh rẽ với bán kính $R \geq 15m$, tổ chức giao thông bằng biển báo.

- Đường ngang dân sinh: được vuốt nối và mở rộng tạo êm thuận và tăng cường an toàn giao thông; chiều rộng mặt đường $\geq 3m$; độ dốc $I_{max} \leq 6\%$; mặt đường bằng đá thải, láng nhựa hoặc BTXM theo kết cấu mặt đường hiện trạng.

5.9. An toàn giao thông: An toàn giao thông đường bộ: bố trí hệ thống biển báo, cột Km, cọc tiêu, lan can tôn sóng, tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

6. Địa điểm xây dựng: xã Thiết Ống và Điện Thượng, huyện Bá Thước.

7. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 13,8 ha.

8. Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

9. Phương án GPMB: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

10. Tổng mức đầu tư: **54.800.000.000 đồng** (Năm mươi tư tỷ, tám trăm triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	4.635.783.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	38.978.767.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	834.196.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.573.866.000 đồng.
- Chi phí khác:	465.606.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	5.311.782.000 đồng.

(chi tiết có phụ biểu kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách Trung ương của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ) bố trí đảm bảo 90% TMĐT.

- Vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện Bá Thước và các nguồn huy động hợp pháp khác đảm nhận 10% TMĐT.

12. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2019-2021.

13. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND huyện Bá Thước tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng. Trong quá trình thực hiện tiếp thu các ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 2791/SGTVT-TĐKHKT ngày 13/7/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX_{30a108}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Đường giao thông từ xã Thiết Ống đi xã Diên Thượng, huyện Bá Thước
(Chương trình 30a)

(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ
I	Chi phí GPMB (đã bao gồm dự phòng)	4.635.783.000
II	Chi phí xây dựng	38.978.767.000
III	Chi phí Quản lý dự án	834.196.000
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	4.573.866.000
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước Báo cáo NCKT	35.160.000
2	Chi phí giám sát khảo sát lập Báo cáo NCKT	47.724.000
3	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	1.385.106.000
4	Chi phí lập hồ sơ; cấm cọc GPMB và MLG	390.000.000
5	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	100.000.000
6	Chi phí khảo sát bước lập BVTC	900.000.000
7	Chi phí lập thiết kế BVTC + dự toán công trình	454.882.000
8	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	24.545.000
9	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	33.316.000
10	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	50.672.000
11	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	47.944.000
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	983.434.000
13	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây dựng và bảo hiểm	68.561.000
14	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT các gói thầu TVĐT	11.860.000
15	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu xây dựng và bảo hiểm	39.076.000
16	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT các gói thầu TVĐT	1.586.000
V	Chi phí khác	465.606.000
1	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	153.024.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	97.447.000
3	Chi phí rà phá bom mìn	171.700.000
4	Phí thẩm định báo cáo NCKT	4.044.000
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	4.784.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	4.607.000
7	Chi phí kiểm tra của CQQLNN	30.000.000
VI	Chi phí dự phòng (không bao gồm GPMB)	5.311.782.000
1	Cho yếu tố khối lượng	4.369.881.000
2	Cho yếu tố trượt giá	941.901.000
TỔNG CỘNG		54.800.000.000